

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 15/4/2025

"V/v: Ly hôn, nuôi con chung
và chia tài sản chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và bà Nguyễn Thanh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 18/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11/11/2024 về việc “Ly hôn” do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà A đường H, phường Đ, thành phố , tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Văn T– Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Gia Thành, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Số 102 đường Dương Văn An, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Phan Thị Bích T, sinh năm 1991, cư trú: Số nhà A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Chị Phan Thị Hồng C, sinh năm 1992, cư trú: Số nhà A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

3. Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm 1996, cư trú: Số nhà A đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

4. Ông Hồ Xuân H, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Công ty TNHH Vận tải D; Địa chỉ: Số 71 đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị D, có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Phan Thị D và bị đơn Hồ Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn bà Phan Thị D trình bày:*

- Về quan hệ tình cảm: Bà và ông Hồ Xuân H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2009 tại UBND phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống sau khi kết hôn của vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, phần lớn thời gian về sau là không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, khác biệt về lối sống, vợ chồng thiếu sự sẻ chia, tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu tháng 01 năm 2024 cho đến nay, hiện không ai còn quan tâm đến nhau và tình trạng giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, căng thẳng. Vì vậy, bà D có yêu cầu ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Thị Mỹ H, sinh ngày 05/7/2010, hiện đang sống cùng với bà. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông H đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.0000 đồng.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại Đơn khởi kiện ban đầu ngày 29/3/2024 bà D không có yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà D khởi kiện bổ sung yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604052668, ngày gửi 23/3/2021, ngày rút 27/3/2024, số tiền 597.269.900 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

2. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604077290, ngày gửi 01/6/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 211.747.500 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

3. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604080164, ngày gửi 21/12/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 216.715.100 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

4. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp

và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604083770, ngày gửi 10/5/2023, ngày rút 27/3/2024, số tiền 100.176.400 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

5. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007191, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 541.906.496 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

6. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007296, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 650.287.795 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

7. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007690, ngày gửi 01/3/2023, ngày rút 01/3/2024, số tiền 326.171.507 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

8. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 28/3/2023, ngày rút 28/3/2024, số tiền gốc 100.000.000 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

9. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 15/02/2024, số tiền gốc 200.000.000 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

10. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 27/01/2023, ngày rút 15/02/2024, số tiền gốc 100.000.000 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

11. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 03/01/2024, ngày rút 15/02/2024, số tiền gốc 150.000.000 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

12. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 10/8/2023, chưa rõ ngày rút, số tiền gốc 150.000.000 đồng, hiện ông Hồ Xuân H đang quản lý số tiền này.

Tổng số tiền gửi tiết kiệm: 3.344.275.000 đồng.

13. Số tiền thu nhập từ hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty Duyên Hà do ông Hồ Xuân H thu lợi và quản lý trong thời gian vợ chồng sống ly thân: 500.000.000 đồng.

14. 01 Bộ bàn ghế bằng gỗ Nghiễn còn mới, chưa sử dụng, hiện ông H đang quản lý, trị giá 100.000.000 đồng

Tổng tài sản chung bà D có yêu cầu Tòa án phân chia là **3.944.275.000 đồng**

(Ba tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Xuân H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị D về việc kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn và tình trạng vợ chồng hiện tại. Quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tôn trọng dành cho nhau, không thấu hiểu, không cảm thông và chia sẻ cùng nhau về mọi vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng hiện không còn tình cảm và đã sống ly thân từ đầu tháng 01/2024 cho đến nay nên hiện bà D có yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung như bà D trình bày. Sau khi ly hôn ông H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hồ Thị Mỹ H và không yêu cầu bà D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Ngày 24/5/2024 ông H có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, gồm:

1. 01 xe tải chở hàng nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.04233, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá tài sản khoảng: 250.000.000 đồng;

2. 01 xe tải chở hàng nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.09278, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá tài sản khoảng: 250.000.000 đồng;

3. 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Honda CRV biển kiểm soát 73A.309.93, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá tài sản khoảng: 500.000.000 đồng;

4. Quyền sử dụng đất thửa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11 phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DB 638226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/6/2021 mang tên ông Hồ Xuân H, bà Phan Thị D, trị giá tài sản khoảng 1.000.000.000 đồng;

5. Một số tài sản là đồ dùng sinh hoạt hằng ngày trong gia đình, gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH trị giá 10.000.000 đồng, 03 tủ đựng quần áo trị giá 5.000.000 đồng, 01 giường ngủ trị giá 5.000.000 đồng, 01 tủ thờ trị giá 10.000.000 đồng, 02 máy điều hòa trị giá 10.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 10.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 5.000.000 đồng, 01 máy rửa chén trị giá 20.000.000 đồng, 02 tivi 36 inch trị giá 10.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế 13 món gỗ Hương Lào trị giá 50.000.000 đồng, 01 bộ phản gỗ Nghiến Lào trị giá 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là đồ dùng sinh hoạt gia đình là 175.000.000 đồng.

6. Giá trị cổ phần và lợi tức phát sinh từ cổ phần đứng tên bà Phan Thị D tại

Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình do bà D mua từ tiền chung của vợ chồng; giá trị tạm tính 1,5 tỷ đồng.

7. Khoản gửi tiết kiệm đứng tên bà Phan Thị D tại các Ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam có giá trị khoảng 1.000.000.000 đồng.

Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng mà ông Hồ Xuân H có yêu cầu phân chia là: 4.685.000.000 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng*), bị đơn có yêu cầu chia đôi.

Tại đơn trình bày ngày 29/3/2024 gửi cho Tòa án, con chung của ông H, bà D là cháu Hồ Thị Mỹ H trình bày nội dung nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu thu thập chứng cứ của các đương sự Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ là sao kê tài khoản cá nhân, sao kê sổ tiết kiệm của ông H, bà D tại các Ngân hàng; giá trị cổ phần, cổ tức của bà D tại Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình.

Kết quả thu thập chứng cứ như sau:

Về thông tin sổ tiết kiệm do các Ngân hàng cung cấp:

- Theo Công văn số 503/CV-CNQD-TH ngày 17/7/2024 và Công văn số 554/CV-CNQD-TH ngày 31/7/2024, Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Quảng Bình cung cấp thông tin sao kê chi tiết tiền gửi tiết kiệm của ông Hồ Xuân H gửi tại Ngân hàng này gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 28/3/2023, số thẻ tiền gửi: CA30787138, số tiền gốc 100.000.000 đồng, ông H đã rút ngày 28/3/2024;

2. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 11/11/2022, số thẻ tiền gửi: CA20401948, số tiền gốc 200.000.000 đồng, ông H đã rút ngày 15/02/2024;

3. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 27/01/2023, số thẻ tiền gửi: CA20404932, số tiền gốc 100.000.000 đồng, ông H đã rút ngày 15/02/2024;

4. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 03/01/2024, số thẻ tiền gửi: CA30787125, số tiền gốc 150.000.000 đồng, ông H đã rút ngày 15/02/2024;

5. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 10/8/2023, số thẻ tiền gửi: CA30782553, số tiền gốc 150.000.000 đồng, ông H đã chuyển quyền sở hữu cho cá

nhân khác ngày 28/3/2024;

- Theo Công văn số 546/NHNo.QB-KTGS ngày 28/6/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Quảng Bình cung cấp thông tin sao kê chi tiết tiền gửi tiết kiệm của ông Hồ Xuân H gửi tại Ngân hàng này gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604052668, ngày gửi 23/3/2021, số tiền 597.269.900 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

2. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604077290, ngày gửi 01/6/2022, số tiền 211.747.500 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

3. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604080164, ngày gửi 21/12/2022, số tiền 216.715.100 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

4. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604083770, ngày gửi 10/5/2023, số tiền 100.176.400 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

5. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007191, ngày gửi 11/11/2022, số tiền 541.906.496 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

6. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007296, ngày gửi 11/11/2022, số tiền 650.287.795 đồng, ông H đã rút ngày 27/3/2024;

7. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007690, ngày gửi 01/3/2023, số tiền 326.171.507 đồng, ông H đã rút ngày 01/3/2024;

Tổng số tiền tiết kiệm của ông Hồ Xuân H theo thông tin sao kê các Ngân hàng cung cấp là: **3.344.275.000** đồng. Bà D cho rằng toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm này là tài sản chung của vợ chồng được hình thành từ lợi nhuận kinh doanh của vợ chồng do ông H cất giữ và gửi tiết kiệm. Trong số các sổ tiết kiệm này ông H có giao cho bà D cất giữ 07 sổ gốc, còn lại do ông nắm giữ. Tuy nhiên sau khi vợ chồng ly thân, ông H đã báo mất các sổ tiết kiệm gốc do bà D nắm giữ và làm thủ tục rút, chuyển quyền sở hữu toàn bộ các sổ tiết kiệm này và sử dụng cá nhân.

Ngoài ra, căn cứ sao kê chi tiết giao dịch của ông Hồ Xuân H theo số tài khoản 108600168689 tại Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Quảng Bình và số tài khoản 3808915168689 của ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình từ ngày 06/01/2024 đến ngày 09/7/2024 cho thấy trong thời gian trên ông H có thu tiền từ việc kinh doanh vận tải của Công ty Duyên

Hà số tiền khoảng 500.000.000 đồng, bà D có yêu cầu chia tài sản là số tiền này.

Tại công văn số 35/2024/CV-DPQD ngày 27/6/2024 của Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình về việc cung cấp thông tin giá trị cổ tức, cổ phần của bà Phan Thị D tại Công ty gồm:

1. Giá trị cổ phần của bà D tại ngày 01/7/2009 là: 286.110.000 đồng.
2. Giá trị cổ phần của bà D tăng từ ngày 27/10/2009 cho đến nay: 1.213.050.000 đồng, trong đó: Tăng do mua thêm cổ phần: 360.830.000 đồng và tăng do chia cổ tức bằng cổ phần: 852.170.000 đồng
3. Số cổ tức được Công ty chi trả bằng tiền mặt từ ngày 01/7/2009 đến nay: 604.181.241 đồng, trong đó số tiền được chi trả từ ngày 31/12/2009 đến ngày 27/12/2023 là 527.383.241 đồng; số tiền được chi trả vào ngày 08/3/2024 là 76.798.000 đồng.

4. Ngày 01/02/2024, bà D đã chuyển nhượng toàn bộ giá trị cổ phần của bà tại Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình cho chị Phan Thị Hồng Chung.

- Theo Công văn số 529/NHNo.QB-KTGS ngày 25/6/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Quảng Bình cung cấp thông tin sao kê chi tiết tiền gửi tiết kiệm của bà Phan Thị D gửi tại Ngân hàng gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3800601549723, ngày gửi 23/12/2016, ngày rút 23/6/2017, số tiền 204.828.800 đồng.
2. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807601241241, ngày gửi 18/01/2016, ngày rút 19/01/2017, số tiền 52.302.300 đồng.
3. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807601252674, ngày gửi 30/6/2016, ngày rút 02/7/2018, số tiền 55.650.200 đồng.
4. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807601278156, ngày gửi 23/6/2017, ngày rút 25/6/2018, số tiền 316.114.200 đồng.
5. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604034034, ngày gửi 19/01/2017, ngày rút 26/01/2022, số tiền 137.157.300 đồng.
6. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604037916, ngày gửi 23/5/2017, ngày rút 25/5/2022, số tiền 97.289.800 đồng.
7. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 38076040510336, ngày gửi 31/10/2018, ngày rút 31/10/2019, số tiền 106.800.000 đồng.

8. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604052427 ngày gửi 25/12/2018, ngày rút 25/12/2019, số tiền 384.480.000 đồng.

9. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604061700 ngày gửi 31/12/2019, ngày rút 02/11/2020, số tiền 160.529.700 đồng.

10. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604063741 ngày gửi 25/12/2019, ngày rút 25/12/2020, số tiền 427.274.500 đồng.

11. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604074935 ngày gửi 02/11/2020, ngày rút 02/11/2021, số tiền 211.600.000 đồng.

12. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807604086963 ngày gửi 02/11/2021 ngày rút 03/11/2022, số tiền 242.651.300 đồng.

13. Số tiền gửi gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quang Trung Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3807622006887, ngày gửi 25/6/2018, ngày rút 25/12/2018, số tiền 369.114.900 đồng.

14. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên Phan Thị D tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Lý Thường Kiệt Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604046767, ngày gửi 18/5/2020, ngày rút 21/5/2021, số tiền 213.114.800 đồng.

- Theo Công văn số 38/CV-CNQD-TH ngày 05/7/2024, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình cung cấp thông tin sao kê chi tiết tiền gửi tiết kiệm của bà Phan Thị D gửi tại Ngân hàng gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 30/3/2021, ngày rút 30/3/2022, số thẻ tiền gửi: CA13604317, số tiền gốc 100.000.000 đồng;

2. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 30/3/2022, ngày rút 30/3/2023, số thẻ tiền gửi: CA13604317, số tiền gốc 500.000.000 đồng;

3. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 27/01/2022, ngày rút 30/01/2023, số thẻ tiền gửi: CA10266235, số tiền gốc 200.000.000 đồng;

4. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Công

thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 31/8/2020, ngày rút 31/8/2023, số thẻ tiền gửi: CA07938199, số tiền gốc 200.000.000 đồng;

5. Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 24/9/2021, ngày rút 14/10/2022, số thẻ tiền gửi: CA07938199, số tiền gốc 200.000.000 đồng;

- Theo Công văn số 1314/BIDV.QB-QLRR ngày 08/7/2024, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình cung cấp thông tin sao kê chi tiết tiền gửi tiết kiệm của bà Phan Thị D gửi tại Ngân hàng gồm:

- Số tiền gửi tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 13/11/2023, số tiền 466.550.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị D cho rằng trước khi kết hôn với ông H thì bà đã từng có một đời chồng, chồng bà không may bị tai nạn chết vào năm 2005. Thời điểm còn sống, vợ chồng bà kinh doanh thầu xây dựng, đã tạo lập được một số tài sản, vốn liếng đáng kể. Năm 2009, bà kết hôn với ông Hồ Xuân H, ông H về sống chung với bà tại nhà riêng của bà tại nhà số 71 đường Hai Bà Trưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cho đến cuối đầu tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn và ông H bỏ ra khỏi nhà cho đến nay. Thời điểm ông H về sống chung với bà, ông H không có tài sản riêng gì mang theo đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng (Việc này ông H đã từng thừa nhận thể hiện trong đơn ly hôn do ông H tự viết trong một lần vợ chồng mâu thuẫn vào ngày 27/4/2012 “Tôi đến với D không có gì mang theo...”. Về phần bà vì muốn tạo lập một cuộc sống mới, tạo việc làm và thu nhập cho ông H nên đã dùng toàn bộ vốn liếng, tài sản riêng của bà có trước hôn nhân để mua xe ô tô để cùng với ông H làm nghề kinh doanh vận tải. Cụ thể:

- Chiếc xe tải đầu tiên nhãn hiệu HINO được mua vào tháng 11/2009 (sau 04 tháng vợ chồng kết hôn) giá mua là 990.000.000 đồng là tiền rút tiết kiệm của bà D. Toàn bộ số tiền này là tiền cấp dưỡng đền bù cho các con riêng của bà từ người gây tai nạn cho chồng cũ, tiền phúng viếng của chồng, tiền bán toàn bộ đồ dùng, hành nghề xây dựng của chồng cũ (Cốt fa, giàn giáo, xe IFa...) và tiền của người chú (em ruột chồng cũ) sống ở Đức hỗ trợ các cháu còn nhỏ lúc bố mất sớm.

- Chiếc xe tải thứ hai nhãn hiệu IZUSU được mua vào năm 2015 trị giá 1.740.000.000 đồng được mua bằng nguồn tiền vay từ việc thế chấp miếng đất thuộc sở hữu của riêng bà D và nguồn tiền tiết kiệm có được từ kinh doanh vận tải của chiếc xe thứ nhất.

- Chiếc xe tải thứ ba cùng nhãn hiệu IZUSU được mua vào năm 2018 từ nguồn tiền bán chiếc xe tải thứ nhất được 375.000.000 đồng và số tiền 1.000.000.000 đồng

của bà D bán đất thuộc sở hữu riêng ở Bình Phước và 205.000.000 đồng từ tiền kinh doanh vận tải của vợ chồng.

- Tháng 11/2023, vợ chồng mua thêm chiếc xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu CRV giá 1.138.000.000 đồng. Nguồn tiền mua xe ô tô này cũng bắt đầu từ tiền bán chiếc xe 5 chỗ nhãn hiệu Miitsusbishi của chồng cũ để lại, cụ thể: Sau khi kết hôn ông H sử dụng xe Miitsusbishi cũ của chồng trước bà D để lại và nhiều lần bị tai nạn hỏng xe nên đã bán đi và mua lại chiếc xe cũ hiệu Hyundai của em trai ông H. Đầu năm 2023, bán chiếc xe Hyundai này được số tiền 270.000.000 đồng, vợ chồng bù thêm để mua chiếc xe CRV này.

- Đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Đ, thành phố Đ được mua vào năm 2021 với giá 3.350.000.000 đồng. Nguồn tiền 2.350.000.000 đồng là tiền từ kinh doanh vận tải, 1.000.000.000 đồng là từ tiền bán trang sức có trước hôn nhân và phần lớn tiền tiết kiệm của bà D có trước khi kết hôn với ông H.

Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh vận tải còn sử dụng một thửa đất là tài sản riêng của bà do chồng cũ để lại ở đường Ngô Quyền, thành phố Đồng Hới để làm kho hàng, chỗ đậu xe mà không phải trả một khoản chi phí nào.

Tài liệu, chứng cứ do bà D cung cấp gồm:

- Giấy bán xe lập ngày 03/11/2009 giữa bên bán ông Võ Thành T, bên mua ông Hồ Xuân H, giá bán xe 760.000.000 đồng và các chứng từ rút tiền, chuyển tiền ngân hàng chứng minh số tiền mua xe 760.000.00 đồng được bà D thanh toán cho người bán xe từ nguồn tiền gửi tiết kiệm đứng tên bà D có trước khi kết hôn với ông H (chứng cứ về việc mua chiếc xe tải đầu tiên);

2. Các tài liệu, chứng từ về việc mua các tài sản chung của vợ chồng: Xe ô tô, đất...

3. Đơn ly hôn của ông H viết ngày 27/4/2012 có nội dung “... Về kinh tế: Tôi đến với D không có gì mang theo. Đối với D đã có gia đình và nhà cửa...”.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/8/2024, vợ chồng ông H, bà D đã thống nhất được về giá trị các tài sản chung gồm:

1. Thửa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11 Đ, TP. Đ trị giá 3.500.000.000 đồng;

2. Xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu CRV trị giá 900.000.000 đồng;

3. Xe ô tô tải nhãn hiệu IZUSU, biển kiểm soát: 73C-09278 trị giá 800.000.000 đồng;

4. Xe ô tô tải nhãn hiệu IZUSU, biển kiểm soát: 73C-04233 trị giá 600.000.000 đồng;

5. Các tài sản gồm: Xe máy SH, bộ bàn ghế gỗ hương Lào, tủ đựng quần áo,

giường ngủ, tủ thờ, 02 máy điều hòa, máy giặt, máy rửa chén. Ti vi 36 inch, bộ phản gỗ nghiến, ông H, bà D tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà D có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ 7/3, cụ thể: bà D sở hữu 70% tổng giá trị tài sản chung, ông H sở hữu 30% giá trị tài sản chung của vợ chồng vì bà D cho rằng toàn bộ tài sản chung được hình thành từ nguồn vốn liếng, tài sản riêng của bà có trước hôn nhân. Vì vậy, công sức đóng góp của bà trong khối tài sản chung của vợ chồng là nhiều hơn ông H.

Ông H không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3 mà bà D đề xuất, ông H trình bày: Chiếc xe tải đầu tiên nhãn hiệu HINO mua tháng 11/2009 là từ số tiền ông H vay mượn, còn các tài sản khác là mua từ nguồn tiền hình thành từ sức lao động của ông, không liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty Duyên Hà, điều này thể hiện tất cả các Báo cáo tài chính của Công ty Duyên Hà từ năm 2015 đến nay đều có kết quả báo lỗ.

Đối với số tiền 3.344.275.000 đồng mà ông H gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng trên địa bàn Đồng Hới, ông H cho rằng trong số này có 1.900.000.000 đồng là tiền ông nhận gửi hộ cho người em trai là ông Hồ Xuân Hồng làm giám đốc Công ty TNHH và XDTH Trường Phát ở Bố Trạch. Vì gửi tiết kiệm ở Đồng Hới có nhiều ưu đãi hơn và sau này ông Hồng khi cần sẽ thuận lợi hơn trong việc sử dụng để mua nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động xây dựng. Số tiền tiết kiệm còn lại ông đã rút ra để trả nợ các khoản tiền mua xe ô tô, mua đất trước đó ông đã vay của người thân và sử dụng chi tiêu trong thời gian ông sống ly thân với bà D từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Cả ông H và bà D đều có nguyện vọng nhận tài sản chung là thửa đất tại tổ dân phố 11, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới. Ngoài ra bà D còn có nguyện vọng nhận xe ô tô CRV, ông H có nguyện vọng nhận xe tải.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để động viên, hàn gắn hạnh phúc cho vợ chồng bà D, ông H. Mặt khác, để các đương sự thỏa thuận được giải quyết các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng không có kết quả.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân Hg trình bày:

Trong năm 2021, ông có đưa cho anh trai là Hồ Xuân H số tiền 1.900.000.000 đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng) để nhờ anh H gửi tiết kiệm. Đây là số tiền các anh em trong gia đình ông đóng góp để xây nhà thờ từ đường bên nội, vì giấy tờ về đất đai chưa hoàn thiện nên phải gửi tiết kiệm số tiền này bao giờ cần thì rút. Việc ông giao số tiền này cho anh H thì chị dâu là chị D không biết. Hiện tại anh H đã rút và giao lại toàn bộ số tiền này cho ông. Ông Hg trình bày ông không biết là lãi suất gửi tiết kiệm ở Đ là bao nhiêu và số tiền ông nhờ gửi hộ anh H đã gửi ở những Ngân hàng nào. Việc giao nhận tiền giữa ông và anh H chỉ là đưa tiền mặt, trao tay chứ không có giấy

tờ gì.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con riêng của bà D (chị Phan Thị Bích T và chị Phan Thị Hồng C) trình bày:* Thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đền nguồn gốc các tài sản chung của ông H, bà D để phân chia đảm bảo quyền lợi cho các chị em chị và đặc biệt là quyền lợi của mẹ chị là bà D vì phần lớn các tài sản này được mua từ nguồn tiền bố các chị lúc còn sống tạo lập ra, tiền phúng viếng, tiền người gây tai nạn bồi thường, tiền bán dụng cụ hành nghề thầu xây dựng của bố.... Ông H khi kết hôn và về sống chung với gia đình chị, không mang theo hay đóng góp tài sản gì.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Xuân H là ông Hồ Hải Hùng trình bày:* Quá trình kết hôn và sống chung với bà D thì ông H cũng đã có công sức đóng góp lớn trong việc kinh doanh vận tải để cùng với bà D tạo lập ra khối tài sản chung như hiện tại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi tài sản chung, ông H và bà D mỗi người nhận 50% giá trị tài sản chung, đề nghị giao cho ông H tài sản chung là thửa đất lại tổ dân phố 11, phường Đ, thành phố Đ để ông H tạo lập chỗ ở sau ly hôn.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2025/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và Thông báo số 28/2024/QĐ-SCBSBA ngày 22/10/2024 về việc sửa chữa bổ sung bản án đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 244, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 213, 468 Bộ luật dân sự; các điều 29, 33, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn bà Phan Thị D.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Phan Thị D ly hôn ông Hồ Xuân H.

1.2. *Về con chung:* Xác định bà Phan Thị D và ông Hồ Xuân H có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thị Mỹ H, sinh ngày 05/7/2010. Sau khi ly hôn, giao cháu Hồ Thị Mỹ Hằng cho bà Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Hồ Xuân H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi cháu Hằng thành niên.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Phan Thị D đối với yêu cầu chia tài sản chung là khoản thu nhập trị giá 500.000.000 đồng do ông H thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty D trong thời kỳ vợ chồng sống ly

thân và 01 bộ bàn ghế làm bằng gỗ Nghiến, chưa sử dụng trị giá 100.000.000 đồng

3. Chấp nhận một phần yêu cầu về chia tài sản chung của nguyên đơn bà Phan Thị D; chấp nhận một phần yêu cầu về chia tài sản chung của bị đơn ông Hồ Xuân H.

3.2. Xác định tổng tài sản chung của ông H, bà D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân có giá trị: 10.397.325.000 đồng (*Mười tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Phan Thị D được chia 60% tài sản chung, trị giá 6.238.395.000 đồng; Ông Hồ Xuân H được chia 40% tài sản chung, trị giá 4.158.930.000 đồng;

3.2.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị D và ông Hồ Xuân H về phân chia một phần tài sản chung:

+ Giao cho bà Phan Thị D sở hữu các tài sản chung, gồm: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 73B1-31308, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bà Phan Thị D; 03 tủ đựng quần áo; 01 giường ngủ; 01 tủ thờ; 02 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 máy rửa chén; 02 ti vi 36 inch. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Giao cho ông Hồ Xuân H sở hữu các tài sản chung, gồm: 01 bộ bàn ghế 13 món gỗ Hương và 01 bộ phản gỗ Nghiến Lào. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Toàn bộ các tài sản chung trên hiện đang được bà D quản lý tại nhà số 71 Hai Bà Trưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3.2.2. Giao cho bà Phan Thị D được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản chung, gồm:

- Quyền sử dụng đất thừa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11 phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DB 638226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/6/2021 mang tên ông Hồ Xuân H, bà Phan Thị D, trị giá: 3.500.0000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*);

- 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Hon Da CRV biển kiểm soát 73A.309.93, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*);

- Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Dược phẩm Quảng Bình hiện bà D đang quản lý 1.213.050.000 đồng (*Một tỷ, hai trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng trị giá tài sản chung giao cho bà D: 5.633.050.000 đồng.

3.2.3. Giao cho ông Hồ Xuân H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản chung, gồm:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.09278, giấy chứng nhận

đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*).

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.04233, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*);

- Số tiền thu được từ việc rút, chuyển quyền sở hữu các sổ tiết kiệm trị giá 3.344.275.000 đồng, hiện ông H đang quản lý, sử dụng gồm:

1. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 28/3/2023, ngày rút 28/3/2024, số thẻ tiền gửi: CA30787138, số tiền 100.000.000 đồng;

2. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA20401948, số tiền 200.000.000 đồng;

3. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 27/01/2023, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA20404932, số tiền 100.000.000 đồng;

4. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 03/01/2024, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA30787125, số tiền 150.000.000 đồng;

5. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 10/8/2023, số thẻ tiền gửi: CA30782553, số tiền 150.000.000 đồng, ngày 28/3/2024 ông Hồ Xuân H đã chuyển quyền sở hữu cho cá nhân khác;

6. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604052668, ngày gửi 23/3/2021, ngày rút 27/3/2024, số tiền 597.269.900 đồng;

7. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604077290, ngày gửi 01/6/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 211.747.500 đồng;

8. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604080164, ngày gửi 21/12/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 216.715.100 đồng;

9. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604083770, ngày gửi 10/5/2023, ngày rút 27/3/2024, số tiền 100.176.400 đồng;

10. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007191, ngày gửi

11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 541.906.496 đồng;

11. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007296, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 650.287.795 đồng;

12. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007690, ngày gửi 01/3/2023, ngày rút 01/3/2024, số tiền 326.171.507 đồng;

Tổng trị giá tài sản chung giao cho ông H: 4.764.275.000 đồng.

3.2.4. Buộc ông Hồ Xuân H phải giao cho bà Phan Thị D giá trị chênh lệch tài sản bằng số tiền là 605.345.000 đồng (*Sáu trăm linh năm triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo bản án.

* Ngày 03/10/2024 ông Hồ Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án với lý do không đồng ý với bản án, ngày 04/20/2024 bà Phan Thị D kháng cáo đề nghị chia tài sản chung theo tỷ lệ 7/3, bà xin hưởng 70 giá trị tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hồ Xuân H là ông Dương Văn Thành trình bày: Đề nghị xem xét tài sản là 03 chiếc xe ô tô của Công ty vận tải Duyên Hà nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập Công ty vận tải Duyên Hà để tham gia tố tụng và không xem xét vấn đề phản tố của ông Hồ Xuân H mà chỉ xem là ý kiến trình bày là vi phạm tố tụng. Cấp sơ thẩm đánh giá nguồn gốc hình thành tài sản không khách quan và áp dụng sai lầm nghiêm trọng trong chia tài sản chung nên đề nghị chia tài sản chung theo tỷ lệ 50:50 là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu không, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ cấp sơ thẩm xét xử lại.

Nguyên đơn bà Phan Thị D xin rút yêu cầu kháng cáo.

Bà Phan Thị D đại diện theo pháp luật cho Công ty TNHH vận tải D đồng ý tiếp tục giải quyết vụ án vì xét thấy quyền lợi của công ty chưa bị ảnh hưởng gì.

Bị đơn ông Hồ Xuân H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 32/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm, phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến rút kháng cáo của bà D, không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị D và bị đơn ông Hồ Xuân H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xác định là kháng cáo hợp lệ để xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Thị D rút đơn kháng cáo nên cần ghi nhận để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của bà D, trả lại chi phí kháng cáo cho bà D.

[2]. Xét kháng cáo của ông Hồ Xuân H kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị hủy bản án:

[2.1]. Ý kiến không đưa Công ty TNHH vận tải D là vi phạm tố tụng: Xét quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH vận tải D tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót, tuy nhiên đây là công ty TNHH có thành viên góp vốn là 2 thành viên (bà D và ông H) đều là đương sự trong vụ án, ông H là người yêu cầu xem xét tài sản chung của vợ chồng đã góp vốn vào công ty, bà D cũng đồng ý đây là tài sản chung. Cấp sơ thẩm chỉ xác định để chia tài sản chung của vợ chồng trong việc góp vốn, không xem xét đến việc rút vốn nên không làm thay đổi bản chất của việc góp vốn vào công ty. Do đó về quyền lợi của Công ty không bị ảnh hưởng, tuy nhiên cũng cần rút kinh nghiệm.

[2.2]. Ý kiến Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố về chia tài sản chung của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng tố tụng: Xét thấy tất cả các yêu cầu của bị đơn về chia tài sản đều được giải quyết. Yêu cầu chia tài sản là một trong ba mối quan hệ khi giải quyết ly hôn. Do đó không xác định là yêu cầu phản tố.

[2.3]. Về tình cảm: Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều không mong muốn níu kéo tình cảm, nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận cho bà D ly hôn với ông H.

[2.4.]. Về con chung: Bà Phan Thị D và ông Hồ Xuân H có 01 (một) con chung là cháu Hồ Thị Mỹ H, sinh ngày 05/7/2010. Bà D và ông H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, cháu H là con gái lại đang trong tuổi dậy thì, có nguyện vọng ở với mẹ, quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa bà D và ông H, cháu được mẹ là bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần giao cháu Hồ Thị Mỹ H cho bà Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và buộc ông Hồ Xuân H cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 10 năm 2024 cho đến khi cháu Hằng thành niên là phù hợp, tránh xáo trộn cuộc sống.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung yêu cầu chia:

[2.3.1]. Về cổ phần của Công ty D Quảng Bình: Các bên đều thừa nhận cổ phần có từ năm 2008 trước thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi sống chung bà D đã nhập vào tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân (từ ngày 27/10/2009 đến ngày 25/12/2018) bà D đã mua cổ phần của Công ty D Quảng Bình giá trị 360.880.000 đồng; Từ ngày 31/12/2009 đến ngày 31/12/2022, bà D được chia cổ tức bằng cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty giá trị 852.170.000 đồng; Từ ngày 31/12/2009 đến ngày 27/12/2023 bà D được chia cổ tức bằng tiền mặt trị giá 527.383.241 đồng. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung của vợ chồng là số cổ phần bà D mua trong thời kỳ hôn nhân: 360.880.000 đồng; số cổ tức được Công ty D chi trả bằng cổ phần cho bà D trong thời kỳ hôn nhân: 852.170.000 đồng. Số tiền cổ tức 527.383.241 đồng được Công ty Cổ phần D Quảng Bình chi trả cho bà D trong thời gian từ ngày 31/12/2009 đến ngày 27/12/2023 được xác định là chi trả trong thời gian ông H và bà D còn sống chung và chi trả bằng tiền mặt nên không có căn cứ xác định số tiền 527.383.241 đồng còn tồn tại đến thời điểm bà D có yêu cầu ly hôn, không được xác định tài sản chung chưa phân chia. Theo đó, tổng số giá trị cổ tức, cổ phần của bà D tại Công ty Cổ phần D Quảng Bình được xác định là tài sản chung của vợ chồng là: 1.213.050.000 đồng. Toàn bộ số cổ phần tại Công ty Dược Quảng Bình bà D đã chuyển nhượng cho con gái là chị Phan Thị Hồng Chung từ ngày 01/2/2024, được xác định là chuyển trong thời gian vợ chồng ly thân nên giá trị chuyển nhượng cổ phần **1.213.050.000** đồng vẫn được xác định là tài sản chung của vợ chồng chưa phân chia.

[2.3.2]. Đối với 19 sổ tiết kiệm mang tên bà Phan Thị D (trong đó 14 sổ tại Agribank và 05 sổ tại Vietinbank). Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các Ngân hàng cung cấp thì trong thời kỳ hôn nhân bà D có gửi tiết kiệm tại một số Ngân hàng trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, tất cả các khoản tiền gửi tiết kiệm đó đều được bà D gửi và rút trong thời kỳ hôn nhân và trong thời gian vợ chồng ông H và bà D còn sống chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định các tài sản chung này còn tồn tại đến thời điểm vợ chồng ông H, bà D có yêu cầu ly hôn và phân chia tài sản chung nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3.3]. Đối với 12 sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H (trong đó 07 sổ tại Agribank và 05 sổ tại Vietinbank). Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT CN Quảng Bình, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Quảng Bình cung cấp thì toàn bộ 12 khoản tiền gửi tiết kiệm đều được ông H gửi trong thời kỳ hôn nhân, trong đó có 07 sổ tiết kiệm gốc được ông H giao cho bà D cất

giữ. Sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 01/2024 thì ông H đã báo mất sổ gốc và đồng loạt rút, chuyển quyền sở hữu tất cả 12 sổ tiết kiệm này và thời điểm ông H rút, chuyển quyền sở hữu các sổ tiết kiệm này là từ ngày 15/02/2024 đến ngày 28/3/2024 được xác định là trong thời gian ông H và bà D ly thân, bà D không biết việc ông H tất toán các sổ tiết kiệm này. Quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng một phần các khoản tiền gửi tiết kiệm này là do ông nhận gửi hộ của người em trai của ông là ông Hồ Xuân Hg làm nghề thầu xây dựng còn một phần các khoản tiền gửi tiết kiệm này ông đã rút ra để trả nợ mua sắm các tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông H và em trai là ông Hồ Xuân Hg không cung cấp được các chứng cứ xác thực chứng minh việc ông H gửi tiết kiệm hộ ông Hồng số tiền 1.9 tỷ đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hg và ông H xác định giao nhận bằng tiền mặt 4 lần, sau đó ông H đi gửi tiết kiệm (lần 1 ngày 22/3/2021 gửi: 500.000.000đ, lần 2 ngày 05/10/2021 gửi: 700.000.000đ, lần 3 ngày 27/10/2021 gửi: 200.000.000đ, lần 4 ngày 28/11/2021 gửi: 200.000.000đ) nhưng về thời gian và số tiền hoàn toàn không trùng khớp với số sổ tiết kiệm mang tên ông H mà bà D yêu cầu chia.

Mặt khác, về nguồn gốc của số tiền thì ông H và ông Hg đã trình bày không thống nhất. Cụ thể: Trước đây, ông H trình bày số tiền này là tài sản riêng của ông Hồng, do ông nhận gửi hộ tiết kiệm cho ông Hg vì lãi suất ở Đ cao hơn lãi suất tiết kiệm ở B và để thuận lợi khi nào cần mua vật tư vật liệu làm nghề thầu thì rút, giai đoạn phúc thẩm ông H cho rằng tiền của mấy anh em đóng để xây nhà thờ. Ông Hg lại trình bày số tiền này là tiền của các anh em đóng góp xây dựng nhà thờ từ đường, tạm nhờ ông H gửi vào để chờ xong thủ tục đất đai thì rút ra xây dựng nhà thờ. Ông Hg cũng không biết lãi suất tiết kiệm ở Đ là bao nhiêu. Ông H, ông Hg không xuất trình được các chứng cứ về nguồn gốc, việc giao nhận số tiền 1.9 tỷ đồng này.

Ngoài ra, ông H cho rằng sau khi trừ đi số tiền 1.9 tỷ đồng là tiền ông gửi hộ ông Hg thì số tiền gửi tiết kiệm còn lại ông dùng để trả nợ các khoản nợ khi vợ chồng mua đất, mua ô tô và ông chi tiêu trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu, chứng cứ và trình bày của ông H, bà D trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định thời điểm ông H, bà D mua sắm các tài sản chung của vợ chồng là đất ở Đồng Phú, xe ô tô CRV đều trước thời điểm ông H tất toán các sổ tiết kiệm. Quá trình giải quyết vụ án, ông H có cung cấp cho Tòa án một Hợp đồng tín dụng thể hiện nội dung ông H có cầm cố sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Lý Thường Kiệt Quảng Bình vào ngày 28/11/2023 để vay tiền. Tài sản thế chấp là sổ tiết kiệm tại Ngân hàng này trị giá **557.400.000, số thẻ AC0020868500, ngày gửi: 23/3/2023**. Ông H trình bày khoản tiền này ông vay để mua xe ô tô CRV. Tuy nhiên, qua kiểm tra, đối chiếu thì thẻ tiết kiệm mà ông H cầm

cổ theo Hợp đồng tín dụng ngày 28/11/2023 không trùng khớp về sổ thẻ, ngày phát hành với các thẻ tiết kiệm mà bà D có yêu cầu chia tài sản chung trong vụ án. Vì vậy, việc ông H cho rằng ông đã rút tiết kiệm để trả những khoản tiền nợ trước đó do mua xe, mua đất là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, số tiền ông H gửi tiết kiệm 3.344.275.000 đồng là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà D. Việc ông H cho rằng báo cáo tài chính của Công ty vận tải D từ năm 2015 đến nay đều có kết quả kinh doanh không có lãi nhưng thực tế cho thấy trong những năm Công ty D có báo cáo tài chính là kinh doanh không có lợi nhuận thì ông H, bà D vẫn có tiền để mua sắm nhiều tài sản có giá trị như đất, 03 chiếc xe ô tô, tiền gửi tiết kiệm... Mặt khác, kết quả thu thập chứng cứ từ việc sao kê tài khoản giao dịch cá nhân của ông H trong thời kỳ hôn nhân thì toàn bộ số tiền thu được từ kinh doanh vận tải của vợ chồng ông H, bà D (tiền cước vận chuyển) đều được chuyển về tài khoản cá nhân của ông H, ông H khẳng định ông chỉ làm nghề kinh doanh vận tải trong thời gian sống với bà D, nên không thể chỉ căn cứ vào kết quả kinh doanh của Công ty vận tải D tại các báo cáo tài chính để cho rằng khoản tiền tiết kiệm của ông H gửi trong thời kỳ hôn nhân không phải là tài sản chung của ông H, bà D.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định toàn bộ số tiền 3.344.275.000 đồng ông H gửi tiết kiệm trong thời kỳ hôn nhân và đã được ông H tất toán trong thời gian ông H và bà D sống ly thân (từ tháng 02 đến tháng 3 năm 2024) là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà D chưa được phân chia là phù hợp với quy định về tài sản chung của vợ chồng theo khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3.4]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D và ông H đã thỏa thuận được với nhau về giá trị và phân chia một số tài sản chung, xét việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của bà D và ông H, cụ thể:

1. Thửa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Đ, thành phố Đ trị giá 3.500.000.000 đồng;

2. Xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu CRV trị giá 900.000.000 đồng;

3. Xe ô tô tải nhãn hiệu IZUSU, biển kiểm soát: 73C - 09278 trị giá 800.000.000 đồng.

4. Xe ô tô tải nhãn hiệu IZUSU, biển kiểm soát: 73C - 04233 trị giá 600.000.000 đồng.

5. Ông H nhận sở hữu các tài sản chung là 01 bộ bàn ghế 13 món gỗ Hương và 01 bộ phản gỗ Nghiến Lào. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng. Bà D nhận sở hữu các tài sản chung là 03 tủ đựng quần áo, 01 giường ngủ, 01 tủ thờ, 02

máy điều hòa, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 máy rửa chén, 02 tivi 36 inch. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định tổng tài sản chung của ông H, bà D trong thời kỳ hôn nhân có giá trị: **10.397.325.000** đồng, bao gồm:

1. Số tiền gửi tiết kiệm được ông Hồ Xuân H gửi trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông H đã rút, chuyển quyền sở hữu trong thời gian vợ chồng sống ly thân là 3.344.275.000 đồng;

2. Giá trị cổ tức, cổ phần tại Công ty CP D Quảng Bình bà D đã chuyển quyền sở hữu trong thời kỳ vợ chồng sống ly thân: 1.213.050.000 đồng;

3. Quyền sử dụng đất thửa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: TDP 11, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DB 638226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/6/2021 mang tên ông Hồ Xuân H, bà Phan Thị D, trị giá: 3.500.000.000 đồng;

4. 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Honda CRV biển kiểm soát 73A.309.93, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 900.000.000 đồng;

5. 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.09278, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 800.000.000 đồng.

6. Xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.04233, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 600.000.000 đồng;

7. 01 bộ bàn ghế 13 món gỗ Hương + 01 bộ phản gỗ Nghiến Lào: giá trị 20.000.000 đồng. 03 tủ đựng quần áo + 01 giường ngủ + 01 tủ thờ + 02 máy điều hòa + 01 máy giặt + 01 tủ lạnh + 01 máy rửa chén + 02 tivi 36 inch: giá trị 20.000.000 đồng.

[2.5] Xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều thừa nhận đã thế chấp QSD đất tại Ngô Quyền là tài sản riêng của bà D có trước thời kỳ hôn nhân để vay mua xe ISUZU. Các bên thừa nhận, nguồn gốc cổ phần tại Công ty Dược có từ năm 2008 (trước thời kỳ hôn nhân), sau đó mua thêm cổ phần và nhận cổ tức tăng thêm.

Bà D có xuất trình bản sao kê tài khoản có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng tiền bán đất tại Bình Phước sau đó chuyển khoản mua xe ISUZU năm 2018. Mặt khác trụ sở của công ty đóng tại nhà riêng của bà D tại Đồng Phú và kho bãi đậu đỗ xe kinh doanh là ở thửa đất riêng của bà D tại Ngô Quyền mà không trả bất kỳ chi phí nào.

Ngoài ra ông H thừa nhận nguồn thu nhập mà ông có được tại các sổ tiết kiệm mang tên ông là từ việc kinh doanh vận tải, tại Giấy phép kinh doanh xác định được ông H đóng góp cổ phần 37% còn bà D đóng góp 62% cổ phần, mặc dù báo cáo tài

chính của công ty kinh doanh thua lỗ nhưng tại sao kê của ông H có thông tin nhận tiền từ việc vận chuyển.

Như vậy cũng đủ căn cứ xác định công sức đóng góp vào tài sản chung của bà D là nhiều hơn ông H. Còn ông H khai công sức đóng góp vào tài sản chung là do ông làm ra phần nhiều nhưng không có chứng cứ chứng minh ngoài việc ông là người trực tiếp điều khiển tất cả các loại xe của công ty.

Vì vậy, căn cứ công sức đóng góp của mỗi bên trong khối tài sản chung, để đảm bảo quyền lợi của các bên trong quá trình phân chia tài sản chung, căn cứ tình hình thực tế về quản lý các tài sản chung của ông H, bà D tại thời điểm xét xử, Hội đồng xét xử sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng bà D, ông H theo tỷ lệ 6/4. Bà D được chia 60% giá trị tài sản chung, ông H được chia 40% trong tổng khối tài sản chung của vợ chồng có giá trị 10.397.325.000 đồng là phù hợp, hoàn toàn có căn cứ.

[2.6]. Xét việc chia hiện vật của cấp sơ thẩm: xét thấy phần lớn giá trị tài sản chung của vợ chồng là toàn bộ số tiền gửi tiết kiệm đã được ông H tất toán và hiện ông H đang quản lý, sử dụng; để đảm bảo ổn định đời sống của mỗi bên sau ly hôn, cấp sơ thẩm giao cho bà D các tài sản chung gồm: Thửa đất tại phường Đồng Phú, tiền thu được từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Dược phẩm Quảng Bình, Xe ô tô 07 chỗ nhãn hiệu Honda CRV và tài sản đã thỏa thuận, còn giao cho ông H số tài sản chung còn lại là phù hợp.

[5]. Về án phí phúc thẩm:

- Trả lại bà Phan Thị D 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001393 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Ông Hồ Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001348 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, ông H đã nộp đủ.

[6]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 308; Điều 312 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ kháng cáo của bà Phan Thị D.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Xuân H, giữ nguyên Bản án

sơ thẩm số 32/2024/HNGĐ-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

3. Áp dụng Điều 213 BLDS; Điều 29, 33, 51, 56, 58, 59, 821, 82, 83, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị D được ly hôn ông Hồ Xuân H.

3.2. Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị D và ông Hồ Xuân H có 1 con chung: Hồ Thị Mỹ H, sinh ngày: 05/7/2010. Sau khi ly hôn, giao cháu Hồ Thị Mỹ H cho bà Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hồ Xuân H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi con chung trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3.3. Về quan hệ tài sản chung:

Xác định tài sản chung của ông H, bà D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân có giá trị: **10.397.325.000** đồng. Bà D được chia 60% tài sản chung, trị giá: 6.238.395.000 đồng; Ông H được chia 40% tài sản chung, trị giá: 4.158.930.000 đồng.

3.3.1. Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Thị D và ông Hồ Xuân H về phân chia tài sản chung:

- Giao cho bà Phan Thị D sở hữu các tài sản chung, gồm: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 73B1-31308, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bà Phan Thị D; 03 tủ đựng quần áo; 01 giường ngủ; 01 tủ thờ; 02 máy điều hòa; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 máy rửa chén; 02 ti vi 36 inch. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Giao cho ông Hồ Xuân H sở hữu các tài sản chung, gồm: 01 bộ bàn ghế 13 món gỗ Hương và 01 bộ phản gỗ Nghiến Lào. Tổng giá trị các tài sản chung này là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Toàn bộ các tài sản chung trên hiện đang được bà D quản lý tại nhà số 71 Hai Bà Trưng, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3.3.2. Giao cho bà Phan Thị D được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản chung, gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 153, tờ bản đồ 35, địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số DB 638226 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 17/6/2021 mang tên ông Hồ Xuân H, bà Phan Thị D, trị giá: 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng);

- 01 xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu Honda CRV biển kiểm soát 73A.309.93, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng).

- Số tiền thu được từ việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty D Quảng Bình hiện bà D đang quản lý 1.213.050.000 đồng (Một tỷ, hai trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản chung giao cho bà D: **5.633.050.000** đồng.

3.2.3. Giao cho ông Hồ Xuân H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản chung, gồm:

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.09278, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

- 01 xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU biển kiểm soát 73C.04233, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Công ty TNHH vận tải D, trị giá: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

- Số tiền thu được từ việc rút, chuyển quyền sở hữu các sổ tiết kiệm trị giá 3.344.275.000 đồng, hiện ông H đang quản lý, sử dụng gồm:

1. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 28/3/2023, ngày rút 28/3/2024, số thẻ tiền gửi: CA30787138, số tiền 100.000.000 đồng;

2. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA20401948, số tiền 200.000.000 đồng;

3. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 27/01/2023, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA20404932, số tiền 100.000.000 đồng;

4. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 03/01/2024, ngày rút 15/02/2024, số thẻ tiền gửi: CA30787125, số tiền 150.000.000 đồng;

5. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Quảng Bình, ngày gửi 10/8/2023, số thẻ tiền gửi: CA30782553, số tiền 150.000.000 đồng, ngày 28/3/2024 ông Hồ Xuân H đã chuyển quyền sở hữu cho cá nhân khác;

6. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604052668, ngày gửi 23/3/2021, ngày rút 27/3/2024, số tiền 597.269.900 đồng;

7. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604077290, ngày gửi 01/6/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 211.747.500 đồng;

8. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604080164, ngày gửi 21/12/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 216.715.100 đồng;

9. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808604083770, ngày gửi 10/5/2023, ngày rút 27/3/2024, số tiền 100.176.400 đồng;

10. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007191, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 541.906.496 đồng;

11. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007296, ngày gửi 11/11/2022, ngày rút 27/3/2024, số tiền 650.287.795 đồng;

12. Sổ tiết kiệm mang tên ông Hồ Xuân H tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Quảng Bình, tài khoản tiết kiệm 3808623007690. ngày gửi 01/3/2023, ngày rút 01/3/2024, số tiền 326.171.507 đồng;

Tổng trị giá tài sản chung giao cho ông H: **4.764.275.000** đồng.

3.2.4. Buộc ông Hồ Xuân H phải giao cho bà Phan Thị D giá trị chênh lệch tài sản bằng số tiền là **605.345.000 đồng** (Sáu trăm linh năm triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ về tài chính, người được thi hành án và người phải thi hành án có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đối với tài sản được giao theo quyết định của bản án.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đã cấp theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Nguyên đơn bà Phan Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; phải chịu án phí chia tài sản chung là 114.238.395 đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Phan Thị D đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001157 ngày 10/4/2024 và 54.440.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001332 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh

Quảng Bình, bà Phan Thị D còn phải nộp thêm số tiền án phí 59.798.395 đồng (*Năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng*).

4.2. Bị đơn ông Hồ Xuân H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng; phải chịu án phí chia tài sản chung là 112.158.930 đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Hồ Xuân H đã nộp 56.343.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001236 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, ông Hồ Xuân H còn phải nộp thêm số tiền án phí 56.115.930 đồng (*Năm mươi sáu triệu, một trăm mười lăm nghìn, chín trăm ba mươi đồng*).

4.3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Trả lại bà Phan Thị D 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001393 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Ông Hồ Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001348 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, ông H đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 15/4/2025).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- TAND TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhân

